

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG KHEN VỀ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI CỦA CON NGƯỜI TỪ GÓC ĐỘ GIỚI

CHARACTERISTICS OF COMPLIMENT CONTENTS ON APPEARANCE
OF PEOPLE FROM THE PERSPECTIVE OF GENDER

PHẠM THỊ HÀ
(TS; Đại học Sư phạm Hà Nội)

Abstract: Appearance is a factor that always gets a high percentage in complimenting of any social group. This is the most popular topic, easy to make the compliment and also marked differences in gender. This article focuses on content characteristics of compliments about appearance of people from a gender perspective in two age groups: young and middle-aged, including 13 specific contents compliment.

Key words: Compliment; gender; appearance.

1. Dẫn nhập

1) Hình thức bên ngoài (ngoại hình) là những yếu tố tạo nên dáng vẻ, được thể hiện ra bên ngoài của con người mà người khác có thể cảm nhận hoặc tri giác bằng các giác quan, như: khuôn mặt, nước da, nụ cười, mái tóc, trang phục, phong thái, v.v. (có khi còn bao gồm cả giọng nói). Trong giao tiếp, ngoại hình là yếu tố rất quan trọng bởi nó tạo nên ấn tượng đầu tiên, đồng thời, cũng góp phần thể hiện nội tâm, tính cách, tâm trạng, thẩm mỹ,... thậm chí có thể là số phận của một người nào đó. Chính vì vậy mà ngay từ xa xưa đã có những câu như: *“Trông mặt mà bắt hình dong”*; *“Những người thất đức lưng ong/Vừa khéo chiều chồng, lại/vừa khéo nuôi con”*.

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu về lời khen cũng như qua thực tế quan sát, ghi nhận trong tiếng Việt của chúng tôi, lời khen về ngoại hình luôn chiếm một tỉ lệ cao ở bất cứ một nhóm xã hội nào. Đây là chủ đề phổ biến nhất, dễ đưa ra lời khen nhất và cũng dễ được người nghe đón nhận nhất. Đường như sau những lời khen (đúng mực và chân thành) về ngoại hình, quá trình giao tiếp thường diễn ra một cách thoải mái, thân thiện, gần gũi và thành công hơn. Bởi những

lời khen đó đã thể hiện thiện chí, sự quan tâm, tôn trọng và sự đánh giá tích cực của những người tham gia giao tiếp dành cho nhau. Đồng thời, trong những lời khen về ngoại hình cũng đánh dấu những khác biệt về giới khá rõ ràng. Vì vậy, ở bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát đặc điểm nội dung khen về hình thức bên ngoài của con người từ góc độ giới theo hai nhóm tuổi thanh niên và trung niên. Trong phạm vi tư liệu khảo sát của chúng tôi, 68% lời khen về ngoại hình là thuộc về thanh niên, 27% thuộc về trung niên, chỉ 5% thuộc về các nhóm tuổi khác (người già, trẻ em). Điều này cũng phù hợp với quan niệm thông thường của xã hội là trẻ thường đi đôi với đẹp, những người trẻ tuổi cũng là những người nhạy cảm với cái mới, cái đẹp. Nhất là trong thời đại ngày nay, giới trẻ là những người tiếp xúc nhiều hơn với văn hóa phương Tây nên cách sử dụng lời khen nói chung và lời khen về hình thức bên ngoài nói riêng trong giao tiếp cũng được họ tiếp thu một cách tích cực nhất (so với các lứa tuổi khác).

2) Về cách thu thập tư liệu: cùng với việc quan sát, ghi âm thực tế, chúng tôi trực tiếp tham gia vào các cuộc giao tiếp và chủ ý

định hướng giao tiếp xuất hiện lời khen về ngoại hình, đồng thời thu thập qua phim ảnh và anket điều tra.

Nếu gọi người khen là nam_1 , $nữ_1$; người tiếp nhận lời khen là nam_2 , $nữ_2$ thì sẽ có các cặp thoại khen - tiếp nhận lời khen như sau: $nam_1 - nam_2$, $nam_1 - nữ_2$, $nữ_1 - nữ_2$, $nữ_1 - nam_2$.

2. Đặc điểm chung nội dung khen về hình thức bên ngoài của con người từ góc độ giới theo nhóm tuổi

Nhìn tổng quát qua tư liệu thực tế, khi khen về hình thức bên ngoài của con người ở độ tuổi thanh niên và trung niên, người Việt tập trung vào 13 nội dung lớn sau: 1/“ngoại hình chung”; 2/“khuôn mặt”; 3/“dáng”; 4/“da”; 5/“nụ cười”; 6/“kiểu tóc”; 7/“môi”; 8/“mắt”; 9/“tay”; 10/“phong thái”; 11/“trang phục”; 12/“tướng mạo”; 13/“giọng nói”. Từ góc độ giới, có thể hình dung tỉ lệ giữa các nội dung khen của hai độ tuổi thanh niên và trung niên như sau:

Nội dung khen	Độ tuổi	Nam ₁ - nam ₂	Nam ₁ - nữ ₂	Nam tự khen	Nữ ₁ - nữ ₂	Nữ ₁ - nam ₂	Nữ tự khen
Ngoại hình chung	Thanh niên	7 (3.4%)	83 (40.1%)	1 (0.5%)	32 (16.9%)	35 (18.5%)	3 (1.6%)
	Trung niên	6 (6.3%)	38 (39.6%)	0 (0.0%)	27 (27.6%)	16 (16.3%)	0 (0.0%)
Khuôn mặt	Thanh niên	3 (1.4%)	44 (21.3%)	1 (0.5%)	28 (14.8%)	10 (5.3%)	3 (1.6%)
	Trung niên	1 (1.0%)	20 (20.8%)	0 (0.0%)	19 (19.4%)	2 (2.0%)	1 (2.0%)
Dáng	Thanh niên	2 (1.0%)	12 (5.8%)	0 (0.0%)	7 (3.7%)	4 (2.1%)	0 (0.0%)
	Trung niên	2 (2.1%)	3 (3.1%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
Da	Thanh niên	0 (0.0%)	2 (1.0%)	0 (0.0%)	4 (2.1%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
	Trung niên	1 (1.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	2 (2.0%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)
Nụ cười	Thanh niên	1 (0.5%)	6 (2.9%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	1 (1.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
Kiểu tóc	Thanh niên	0 (0.0%)	4 (1.9%)	0 (0.0%)	4 (2.1%)	2 (1.1%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	2 (2.1%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)
Môi	Thanh niên	0 (0.0%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)

Mắt	Thanh niên	0 (0.0%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
Tay	Thanh niên	0 (0.0%)	2 (1.0%)	0 (0.0%)	1 (0.5%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
Phong thái	Thanh niên	8 (3.9%)	9 (4.3%)	0 (0.0%)	7 (3.7%)	19 (10.1%)	0 (0.0%)
	Trung niên	2 (2.1%)	6 (6.3%)	2 (2.1%)	3 (3.1%)	15 (15.3%)	0 (0.0%)
Trang phục	Thanh niên	1 (0.5%)	16 (7.7%)	0 (0.0%)	22 (11.6%)	4 (2.1%)	2 (1.1%)
	Trung niên	0 (0.0%)	10 (10.4%)	0 (0.0%)	5 (5.1%)	1 (1.0%)	1 (1.0%)
Tuấn mạo	Thanh niên	0 (0.0%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
Giọng nói	Thanh niên	1 (0.5%)	1 (0.5%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)
	Trung niên	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)

Bảng 1. Những nội dung khen về hình thức bên ngoài của con người từ góc độ giới theo nhóm tuổi

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Trong 13 nội dung khen, các nội dung khen về “ngoại hình chung”, “khuôn mặt”, “dáng”, “phong thái”, “trang phục” được sử dụng phổ biến ở thanh niên và trung niên thuộc cả hai giới. Các nội dung khen về “da”, “môi”, “mắt”, “tay”, “kiểu tóc”, “nụ cười” ít dùng hơn và nghiêng về dùng để khen nữ; “giọng nói” là nội dung hạn chế sử dụng hơn cả và chỉ được nam thanh niên khen người cùng giới và khác giới.

- Đối với việc tự khen mình, cả nam giới và nữ giới đều chú trọng tới “ngoại hình chung”, “khuôn mặt”. Sự khác nhau giữa hai giới là, trong khi nam giới chỉ chú trọng tới “phong thái” thì nữ giới lại chú trọng tới “trang phục”, “da”, “kiểu tóc”.

3. Đặc điểm những nội dung khen cụ thể về hình thức bên ngoài của con người từ góc độ giới theo nhóm tuổi

3.1. Khen về ngoại hình chung

Khen về “ngoại hình chung” là chủ đề phổ biến nhất trong lời khen của cả nam và nữ ở lứa tuổi thanh niên và trung niên, trong đó, tỉ lệ lời khen này nghiêng về dành cho nữ giới (nữ thanh niên và nữ trung niên).

Ở góc độ cùng giới, nữ trung niên và nam trung niên sử dụng lời khen này nhiều hơn so với nữ thanh niên và nam thanh niên. So sánh: tỉ lệ lời khen của nam dành cho người cùng giới ở trung niên (6.3%) so với ở thanh niên (3.4%); của nữ dành cho người cùng giới ở trung niên (27.6%) so với ở thanh niên (16.9%). Ở góc độ khác giới, tỉ

lệ lời khen về ngoại hình của nam dành cho nữ là cao nhất và dường như không phân biệt về lứa tuổi (40.1% của nam thanh niên và 39.6% của nam trung niên). Điều này cho thấy sự quan tâm đặc biệt của phái nam đối với ngoại hình của nữ không kể tuổi tác. So với nam thì nữ cũng dành lời khen cho người khác giới với một tỉ lệ thấp hơn và nghiêng về nữ thanh niên (so sánh: $nữ_1$ - nam_2 là 18.5% ở thanh niên và 16.3% ở trung niên).

Trong nội bộ một giới cho thấy, nam giới dù là thanh niên hay trung niên thì đều sử dụng lời khen ngoại hình cho người khác giới cao hơn cho người cùng giới; còn nữ thì lại có sự phân biệt: dành cho người cùng giới ở trung niên là cao nhất (27.6%), tiếp đến là đối với người khác giới (tỉ lệ lời khen đối với nam thanh niên là 18.5%, cao hơn nam trung niên là 16.3% và cuối cùng là lời khen dành cho nữ thanh niên (16.9%). Phải chăng, phái nữ cho rằng, ngoại hình đối với nữ là rất quan trọng, vì thế, cần “khen động viên” nhiều hơn, đặc biệt là đối với nữ trung niên?

Khi tự khen mình số lượng lời khen là rất ít và chỉ thấy xuất hiện ở nữ thanh niên (1.6%) và nam thanh niên (0,5%). Sự ý thức về ngoại hình của mình ở bậc trung niên không được thể hiện ở lời tự khen.

Chủ đề này thường được khen bằng các tính từ mang ý nghĩa tích cực như: *đẹp trai, điển trai...* (đối với nam); *đẹp, xinh đẹp, xinh gái...* (đối với nữ); *trẻ, đẹp, ngon lành...* (đối với cả nam và nữ). Ví dụ:

Trình (nữ trung niên): *Này, em có phải trang điểm thêm không?*

Chồng Trình: *Không cần, em xinh lắm rồi.*

3.2. Khen về khuôn mặt

Với chủ đề “*khuôn mặt*”, đối tượng được khen chiếm ưu thế tuyệt đối là nữ giới và người dành cho nữ lời khen nhiều nhất là nam (21.3% lời khen của nam thanh niên dành cho nữ thanh niên, 20.8% lời khen của

nam trung niên dành cho nữ trung niên), tiếp theo là nữ trung niên khen người cùng giới (19.4%).

Ở những người cùng giới, nữ trung niên khen nhau cao hơn hẳn (19.4%) so với nữ thanh niên (14.8%). So với nữ giới, nam giới kể cả thanh niên và trung niên rất ít khen nhau về khuôn mặt (thanh niên chỉ có 1.4% và trung niên chỉ có 1%). Số liệu này một lần nữa phản ánh sự nỗ lực cố vũ cho vẻ đẹp của mình của phái nữ, nhất là nữ trung niên. Ở những người khác giới, như trên đã nêu, tỉ lệ lời khen của nam dành cho nữ về khuôn mặt ở mức độ cao nhất và không phân biệt trung niên hay thanh niên (21.3% của thanh niên, 20.8% của trung niên); lời khen của nữ dành cho nam về khuôn mặt chiếm tỉ lệ ít ỏi và nghiêng về nữ thanh niên (5.3% của nữ thanh niên so với 2% của nữ trung niên).

Tự khen về khuôn mặt của mình cũng rất khiêm tốn ở cả hai giới, hai lứa tuổi khác nhau và nếu có thì nghiêng về nữ: chỉ thấy có 2% nữ trung niên, 1.6% nữ thanh niên và 0.5% nam thanh niên tự khen khuôn mặt của mình (nam trung niên thì không).

Như vậy, dường như nữ giới ở lứa tuổi trung niên tỏ ra có ý thức nhiều hơn về vẻ đẹp của khuôn mặt cũng như ngoại hình nói chung, và có lẽ cũng xuất phát từ tâm lí muốn nhận được lời khen về những chủ đề này nên họ cũng đưa ra lời khen nhiều đối với người cùng giới.

Những lời khen về khuôn mặt thường xuất hiện các tính từ như: *xinh, đẹp, xinh xắn, tươi tắn, dễ thương, ưa nhìn, ấn tượng, tây...* (cho nữ), *đẹp, ấn tượng, nam tính...* (cho nam). Ví dụ:

Trình (nữ trung niên): *Thế anh muốn em gửi cái gì?*

Cường: *Gửi buổi chiều này, Hồ Tây, gương mặt em đẹp như thế này...*

3.3. Khen về dáng

So với “ngoại hình” và “khuôn mặt”, tỉ lệ khen về “dáng” giảm hẳn và vẫn hướng về đối tượng khen là nữ nhiều hơn so với nam.

Trong khi ở những người cùng giới, nam trung niên thích khen nhau về dáng (2.1% so với 1% ở nam thanh niên) thì ngược lại, nữ thanh niên lại thích khen nhau hơn nữ trung niên (3.7% so với 1% ở nữ trung niên). Từ góc độ khác giới, nam đều khen dáng của nữ ở mức độ cao hơn cả và nghiêng về nam thanh niên khen nữ (5.8% so với 3.1% ở nam trung niên). Còn đối với dáng của nam, chỉ có 2.1% nữ thanh niên khen dáng của nam (ở trung niên là 0%).

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, không xuất hiện lời tự khen về dáng vóc của mình.

“Dáng” là lợi thế của giới trẻ và thuộc về phái nữ, vì thế, trong lời khen luôn xuất hiện các tính từ như: *đẹp, chuẩn, ngon, ngon lành, thon thả, cao ráo, eo ót,...*; Nếu có ở nam thì là các tính từ như: *cao to, đẹp, chuẩn, khỏe khoắn, vạm vỡ, chắc chắn,...* Ví dụ:

Vũ (nữ thanh niên): *Uyên biết bơi à, thảo nào người cậu đẹp thế!*

3.4. Khen về da

Số lượng lời khen về “da” là không nhiều.

Khen người khác: Nữ khen da của nhau chiếm tỉ lệ cao, gần ngang bằng nhau (2.1% ở nữ thanh niên và 2% ở nữ trung niên); chỉ có 1% nam trung niên khen nam và 1% nam thanh niên khen nữ.

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, không xuất hiện lời tự khen về làn da của mình.

Như vậy, cùng với khuôn mặt và vóc dáng, dường như da cũng là chủ đề khen độc quyền của giới nữ (nữ khen nữ). Điều này cũng phù hợp với quan niệm dân gian “nhất dáng nhì da”. Mặc dù vậy, có quá ít lời khen của nam dành cho nữ, phải chăng có lí do về sự nhạy cảm? Còn đối với đàn ông, làn da dường như không quan trọng bằng thể lực nên không có lời khen cũng là điều dễ hiểu.

Điều này lí giải vì sao, khi khen nước da của nữ thì thường sử dụng các tính từ như *đẹp, trắng, mịn, mịn màng,...*, còn đối với đàn ông lại thường là *rắn rỏi, săn chắc, khỏe, (có nước da) khỏe mạnh,...* Ví dụ:

H.Anh (nữ trung niên): *Chào chị.*

Khách hàng (nữ trung niên): *Trông ảnh chị đã xinh, ngoài đời chị còn xinh hơn, chị chăm sóc da thế nào mà da đẹp thế.*

3.5. Khen nụ cười

Có thể nói, cùng với ánh mắt, “nụ cười” là điểm nhấn nổi bật trên khuôn mặt nên thường gây được sự chú ý của người đối diện trong giao tiếp. Chính vì vậy, nụ cười cũng xuất hiện trong hàng loạt những chủ đề khen về ngoại hình, tuy nhiên, với số lượng và mức độ không nhiều.

Tư liệu khảo sát cho thấy, chủ yếu là nam khen nữ và nghiêng về thanh niên (2.9% ở nam thanh niên khen nữ thanh niên, so với 1% ở nam trung niên khen nữ trung niên), còn lại chiếm số lượng ít ỏi là nữ thanh niên khen nữ (0.5%) và nam thanh niên khen nam (0.5%).

Không có lời tự khen nào về nụ cười ở cả hai giới và hai lứa tuổi trong phạm vi tư liệu khảo sát.

Với nữ giới, lời khen về nụ cười thường đi liền với những tính từ như: *xinh, tươi, duyên, rạng rỡ,...* còn nam giới thường chỉ được khen là *có nụ cười tươi*. Ví dụ:

Hoàng (nam, thanh niên): *Thủy có vẻ là người khó đùa nhỉ, Thủy biết không khi Thủy cười Thủy rất xinh.*

3.6. Khen kiểu tóc

Mái tóc trong cách nhìn của người Việt là “góc của con người” nên nó góp phần tô điểm không nhỏ cho diện mạo của một người nào đó. Nếu như trước đây, chủ đề này thường được phái nữ quan tâm thì giờ đây, mái tóc trở thành chủ đề khen cho cả đối tượng là phái nam. Mặc dù vậy, mái tóc của nữ vẫn là ưu tiên hàng đầu cho những

lời khen từ những người cùng giới và khác giới.

Ở những người cùng giới, trong khi nam chẳng hề khen nhau về mái tóc thì nữ thanh niên đã dành cho nhau 2.1% lời khen, cao hơn nữ trung niên là 1%. Ở những người khác giới, nhiều lời khen hơn cả về mái tóc là lời khen của nam dành cho nữ, đặc biệt ở lứa tuổi trung niên (2.1% cho nữ trung niên so với 1.9% cho nữ thanh niên); chỉ có 1% nữ thanh niên khen nam thanh niên về mái tóc.

Có 1% nữ trung niên tự khen mái tóc của mình.

Khen về mái tóc có một số tính từ được sử dụng chung cho cả hai giới như: *đẹp, trẻ trung, hợp, hiện đại, phong cách, ấn tượng, sành điệu*,... Ngoài ra, với riêng giới nữ, còn có một số tính từ khác như: *mềm mại, mượt mà, óng ả, nữ tính, quý phái*,... Ví dụ:

Uyên (nữ, thanh niên): *Thực ra tớ thấy cậu cũng hợp với mái tóc này đấy, đẹp và mềm mại hơn rất nhiều.*

3.7. Khen môi

Đối tượng được khen trong chủ đề này thường là giới nữ. Đây là chủ đề khen tương đối nhạy cảm, tế nhị nên thường chỉ xuất hiện trong giao tiếp cùng giới nữ hoặc trong các mối quan hệ thật gần gũi, thân mật như vợ chồng, người yêu. Các tính từ thường dùng cho khen về môi là: *xinh, mềm, gợi cảm, đỏ, hồng*,... Trong phạm vi tư liệu khảo sát, lời khen về chủ đề này chỉ xuất hiện một trường hợp duy nhất khi nam khen nữ ở lứa tuổi thanh niên:

Lâm (nam thanh niên): *Môi em mềm lắm.*

Vũ (nữ thanh niên): *Bây giờ thì anh về đi không bác lại chờ cửa đấy.*

3.8. Khen mắt

Với vai trò là “cửa sổ tâm hồn”, trong giao tiếp, ánh mắt thường được mọi người chú trọng. Tuy nhiên, cũng giống như khen về môi, lời khen về mắt lại xuất hiện không nhiều trong giao tiếp trực diện, còn lại, các

lời khen nếu có đều là khen ở ngôi thứ ba (người không có mặt trong cuộc thoại) với các tính từ như: *đẹp, sáng, thông minh, có hồn, biết nói*,... (cho cả nam và nữ); *long lanh, sắc sảo*,... (chỉ dành cho nữ). Một điểm đáng lưu ý là, khi khen về đôi mắt, thường người khen vừa khen hình thức – vẻ đẹp của mắt vừa nhấn mạnh vào khả năng nhìn nhận, độ nhạy bén, sắc sảo, thông minh, tinh tường của mắt. Ví dụ:

Trung: (nam, thanh niên): *Phải công nhận, bà chị mình có đôi mắt sắc sảo thật!*

3.9. Khen tay

Bàn tay thường gắn với sự khéo léo, tài hoa của con người, riêng đối với nữ bàn tay còn thể hiện sự đảm đang. Có lẽ vì thế mà lời khen về tay không nhiều nhưng cách khen lại khác nhau. Chẳng hạn:

Trong số lượng lời khen ít ỏi của nữ thanh niên dành cho nam (0.5%) thì nội dung khen nghiêng về sự ầm ập, vững vàng, chắc chắn. Ví dụ:

Đông Bích (nữ thanh niên): *Chắc anh là người sống rất tình cảm vì em thấy tay anh rất ầm.*

Lời khen của nam thanh niên dành cho nữ thanh niên hoặc nữ thanh niên khen nhau (1%) lại chủ yếu về hình thức. Ví dụ:

Trà (nữ thanh niên khen bạn gái): *Ngón tay thon như dáng người, nhưng chắc nhiều anh sẽ buồn khi nhìn thấy chiếc nhẫn...*

Trong số lượng 1% lời khen của nữ trung niên khen bàn tay của nhau thì lại khen về sự đảm đang, tháo vát. Không có lời khen về bàn tay của nam dành cho nhau và không có lời tự khen về bàn tay của mình ở cả hai giới và hai lứa tuổi. Khi khen tay của nữ, các tính từ thường được sử dụng là: *đẹp, mềm mại, trắng, thon, khéo léo, ầm ập*... còn đối với nam giới là *bàn tay ầm ập, tài hoa hoặc chắc khỏe*,...

3.10. Khen phong thái

Nhắc đến lời khen về phong thái, người ta thường liên tưởng đến chủ thể sở hữu chính

là nam giới với những tính từ như: *nam tính, phong độ, cá tính, lịch lãm, lịch thiệp, hấp dẫn, cuốn hút, đàn ông* (tính từ hoá),... Bên cạnh đó, cũng có một số từ ngữ thường dùng để khen về phong thái của phụ nữ như: *gợi cảm, hấp dẫn, cuốn hút, nhẹ nhàng, dịu dàng, nữ tính*,...

Số lượng lời khen về phong thái tập trung ở các cặp khác giới với tỉ lệ vượt trội về tần số xuất hiện khi nữ khen nam và nghiêng về nữ trung niên (15.3% nữ trung niên khen nam, so với 10% nữ thanh niên khen nam). Trong khi đó, ở cặp khác giới nam khen nữ thì tỉ lệ lại thấp hơn nhiều và nghiêng về nam trung niên khen nữ (6.3% so với 4.3% nam thanh niên khen nữ).

Ở góc độ cùng giới, chiếm tỉ lệ cao nhất là thanh niên với tỉ lệ xấp xỉ nhau: 3.9% khi nam khen nam và 3.7% khi nữ khen nữ; ở trung niên cũng chiếm một tỉ lệ đáng kể và nghiêng về nữ khen nữ: 3.1% so với 2.1% nam khen nam.

Đáng chú ý là chỉ có 2.1% nam trung niên tự khen về phong thái của mình (các trường hợp khác không xuất hiện).

Những khảo sát cụ thể trên cho thấy, phong thái như định nghĩa trong từ điển: "những nét đặc trưng thường là tốt đẹp của một người nhìn qua dáng đi, cử chỉ, điệu bộ..." được coi là sức mạnh của phái nam và thường phải là những người từng trải mới có được sự tự tin đó. Điều này lí giải vì sao tỉ lệ lời khen dành cho nam trung niên là cao nhất và nam trung niên tỏ ra tự tin khi tự khen phong thái của mình. Ví dụ:

Quân (nam trung niên): *Bây giờ thì gay rồi, cũng vừa vừa thôi, có tuổi rồi.*

Hùng (nam thanh niên): *Anh ạ, sắp em trông thế này thôi nhưng vẫn còn phong độ lắm.*

3.11. Khen trang phục

"*Trang phục*" là một trong những chủ đề khen khá phổ biến trong giao tiếp, bởi đó cũng là một chủ đề khá "an toàn", phù hợp

với tất cả các mức độ thân, sơ trong quan hệ. Hơn nữa, thông qua lời khen về trang phục thì khiếu thẩm mỹ, phong cách hay vóc dáng của người mặc cũng được đánh giá cao.

Khi nói đến trang phục hay theo cách nói dân dã đời thường là "ăn mặc", "ăn diện" thì người ta thường nghĩ đến phái nữ, bởi, phái nữ là phái đẹp, theo đó, họ chăm chút cho cách ăn mặc nhiều hơn, chú ý đến thời trang nhiều hơn cả. Vì thế, tỉ lệ khen trang phục nghiêng về nữ cũng là điều dễ hiểu.

Xét ở góc độ cùng giới, chiếm tỉ lệ cao (và cũng là cao nhất) lời khen dành cho nữ giới là nữ thanh niên khen về trang phục của nhau (11.6%), tiếp đó là nữ trung niên (5.1%). Tỉ lệ này hoàn toàn chênh lệch khi mà giới nam chỉ có một tỉ lệ lời khen hiếm hoi (0.5%) của nam thanh niên dành cho nhau (còn trung niên thì không).

Xét ở góc độ khác giới, đương nhiên là phái nam dành lời khen trang phục cho nữ chiếm tỉ lệ cao nhất và khá bất ngờ khi nam trung niên khen nữ trung niên (10.4% so với 7.7% nam thanh niên). Tỉ lệ này cũng chênh lệch lớn với phái nữ khen nam về trang phục (2.1% ở nữ thanh niên và 1% nữ trung niên).

Có thể nhấn mạnh lại rằng, trang phục trước hết là dành cho phái nữ bất kể tuổi tác. Cũng vì lí do đó, phái nam không tự khen mình về trang phục mà chỉ có 1.1% nữ thanh niên và 1% nữ trung niên tự khen về nội dung này.

Hầu hết các tính từ thường được dùng để khen về trang phục đều dùng cả cho hai giới như: *đẹp, trẻ, hợp, nổi, tôn dáng, lịch sự, ấn tượng, bắt mắt*,...; bên cạnh đó, chỉ có một số từ đánh dấu sự khác biệt về giới như *gợi cảm, nữ tính*,... (dành cho nữ); *nam tính, lịch lãm*,... (dành cho nam). Ví dụ:

Nhân viên nam: *Chị Liên ơi, chị PR kiểu gì mà giỏi thế. Nhiều người đặt mua sách của chị rồi đấy. Anh Quang ơi, chị Liên không những PR giỏi mà còn ăn mặc rất hợp thời trang nữa nhĩ!*

3.12. Khen tướng mạo

Khen về “*tướng mạo*” là một trong những chủ đề ít phổ biến nhất. Bởi chuẩn mực về một tướng mạo đẹp là một điều trừu tượng và có phần khó xác định. Hơn nữa, để đưa ra lời khen có nội dung này người khen cũng cần có những hiểu biết, tri thức, trải nghiệm, thậm chí còn có sự hiểu biết nhất định về tướng số và cần có sự quan sát đối tượng khá kỹ lưỡng,... Một lí do nữa là, không phải lời khen về tướng mạo nào cũng được thể hiện ra bên ngoài trong quá trình giao tiếp. Người đưa ra lời khen về nội dung này thường ở độ tuổi trung niên trở lên - độ tuổi đã có sự trải nghiệm nhất định. Tuy nhiên, thực tế tư liệu khảo sát lại cho thấy, chỉ có một lời khen của nam thanh niên khen nữ thanh niên (0.5%). Ví dụ:

Hoàng (nam, thanh niên): *Hân này, càng ngắm anh lại càng thấy tướng em rất đẹp, đẹp từ khuôn mặt đến... nói chung hậu vận của em cực tốt.*

3.13. Khen giọng nói

“*Giọng nói*” là chủ đề khen có mức độ xuất hiện không phổ biến so với một số chủ đề khác về ngoại hình. Phải nói rằng, thực ra, xếp “*giọng nói*” vào “*ngoại hình*”, xét về mặt hình thức tỏ ra không hợp, tuy nhiên, vì giọng nói bộc lộ ra “*bên ngoài*” và nhanh chóng nhận được nhận xét, đánh giá (khen và chê), cho nên, chúng tôi quyết định xếp vào đây.

Với nữ giới, lời khen về chủ đề này thường đi kèm với các tính từ: *ngọt ngào, dịu dàng, nhẹ nhàng, dễ thương, dễ nghe*,... còn nam giới thường được khen về giọng với các tính từ như: *khỏe, ấm, hay*,...

Về tỉ lệ xuất hiện, khác với những chủ đề trên, lời khen về giọng nói chỉ xuất hiện ở nhóm tuổi thanh niên trong phạm vi tư liệu khảo sát khi nam khen nam và nam khen nữ với tỉ lệ cân bằng (0.5%). Ví dụ:

Hằng (nữ, thanh niên): *A lô a!*

Quân (nam, thanh niên): *Ồi, giọng ai mà dễ thương thế nhỉ?*

4. Kết luận

Qua khảo sát thực tế cho thấy, trong 13 chủ đề cụ thể xuất hiện ở các lời khen về ngoại hình, nam giới chỉ chiếm ưu thế trong việc nhận được lời khen về ngoại hình nói chung, phong thái và trang phục. Hầu hết các chủ đề còn lại như dáng, da, mắt, nụ cười, khuôn mặt... đều dành cho nữ giới. Điều đó chứng tỏ, giới là một trong những nhân tố trội, có ảnh hưởng khá rõ đến hành vi khen nói chung và các nội dung khen về hình thức bên ngoài của con người nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Phạm Thị Hà (2011), *Một số vấn đề về hành vi khen và giới*, t/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 1+2, tr. 43-47.
2. Phạm Thị Hà (2012), *Tiếp nhận lời khen của những người nổi tiếng qua hình thức giao lưu trực tuyến từ góc độ giới*, t/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 5, tr. 66 – 76.
3. Phạm Thị Hà (2013), *Yếu tố giới trong lời khen tại các chương trình giao lưu trực tuyến giữa người hâm mộ và nghệ sĩ*, t/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 1+2, tr. 77 - 84.
4. Phạm Thị Hà (2013), *Chiến lược giao tiếp xưng hô trong giao lưu trực tuyến giữa người hâm mộ với nghệ sĩ (qua hành vi khen và hồi đáp khen)*, t/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 10, tr.10 - 15.
5. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục.
6. Kimmel, Michael S and Aronson, Amy. (eds) (2010), *The gendered Society Reader*, Oxford University Press. 4 edition.
7. Suderland, J. (2006), *Language and gender: An advanced resource book*, Routledge, 1 edition.